

Số: 620 /QĐ-CT

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực
nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ các Quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 36/TTr-SNN ngày 15/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện việc công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định: số 479/QĐ-CT ngày 05/3/2018, số 2743/QĐ-CT ngày 22/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././

Nơi nhận:

- VPCP; Bộ NN&PTNT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- TTTU, TT HỒNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 4;
- C, PVP UBND TP;
- Đài PT&THHP; Báo HP; Báo ANHP;
- Công TTĐTTP;
- Phòng: KSTTHC; NNTN&MT; KTGS&TĐKT;
- CV: KSTTHC;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

DANH MỤC

**Thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn
trên địa bàn thành phố Hải Phòng (105 TTHC)**

(kèm theo Quyết định số 620/QĐ-CT ngày 25/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố)

PHỤ LỤC I.1

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (98 TTHC)**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (24 TTHC)**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
		Sở NNPT & NT	UBND thành phố			Dịch vụ công mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực Thủy lợi và Phòng chống thiên tai (18 TTHC)								
1	Cấp giấy phép cho các hoạt động cắt, xẻ, khoan đào, xây dựng, khai thác nước ngầm, neo đậu tàu thuyền, để vật liệu, khai thác cát sỏi, đất, đá, khoáng sản, nạo vét luồng lạch, cải tạo công trình giao thông trong phạm vi bảo vệ đê điều.	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đê điều năm 2006; - Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013; - Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007.
2	Cấp giấy phép xây dựng quốc phòng, an ninh, công trình giao thông, thủy lợi, công trình ngầm phục vụ phát triển kinh tế xã hội, hệ thống giếng khai thác nước ngầm, trạm bơm, âu thuyền; cấp giấy phép xây dựng công trình theo dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đê điều năm 2006; - Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013; - Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007.

3	Cấp lại giấy phép bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Không	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018.
4	Cấp lại giấy phép tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Không	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018.
5	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND thành phố quản lý.	25 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Không	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018.
6	Phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND thành phố quản lý.	25 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Không	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018.
7	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Không	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018.
8	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Không	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018.
9	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy	07 ngày làm	03 ngày làm	Chi cục Thủy	Không	Nộp hồ sơ	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018;

	sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.	việc	việc	lợi và PCTT			và trả kết quả	- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018.
10	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018.
11	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018.
12	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018.
13	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.	25 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018.
14	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới,	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Không		Nộp hồ sơ và trả	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018;

	trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND thành phố			PCTT			kết quả	- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018.
15	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018.
16	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018.
17	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018.
18	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018.

II. Lĩnh vực Phát triển nông thôn (04 TTHC)

1	Công nhận làng nghề.	30 ngày	10 ngày	Chi cục	Không			Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày
---	----------------------	---------	---------	---------	-------	--	--	---------------------------------

		làm việc	làm việc	Phát triển nông thôn				12/4/2018.
2	Công nhận nghề truyền thống.	30 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Chi cục Phát triển nông thôn	Không			Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018.
3	Công nhận làng nghề truyền thống.	30 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Chi cục Phát triển nông thôn	Không			Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018.
4	Bố trí, ổn định dân cư ngoài thành phố.	30 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Chi cục Phát triển nông thôn	Không			Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015.

III. Lĩnh vực Lâm nghiệp – Kiểm lâm (02 TTHC)

1	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của thành phố.	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Chi cục Kiểm lâm	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Thông tư số 23 /2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017; - Quyết định số 5581/QĐ-BNN-TCLN ngày 29/12/2017.
2	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác.	25 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Chi cục Kiểm lâm	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Thông tư số 23 /2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017; - Quyết định số 5581/QĐ-BNN-TCLN ngày 29/12/2017.

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (58 TTHC)**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công mức độ 3, 4	Dịch vụ bưu chính công ích	

I. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (14 TTHC)

1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	- 21 ngày làm việc - 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khác phục	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	800.000 đ/giấy		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013; - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015; - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019; - Quyết định số 4307/QĐ-BNN-PC ngày 24/10/2016.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	- 21 ngày làm việc. - 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	800.000 đ/giấy		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013; - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015; - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày

		cáo khắc phục				28/02/2019; - Quyết định số 4307/QĐ- BNN-PC ngày 24/10/2016.
						- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực-vật-năm-2013;
3	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.	03 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả - Nghị định số 14/2015/NĐ- CP ngày 13/2/2015; - Nghị định số 104/2009/NĐ- CP ngày 09/11/2009; - Thông tư số 21/2015/TT- BNNPTNT ngày 08/6/2015; - Quyết định số 4307/QĐ- BNN-PC ngày 24/10/2016.
4	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp thành phố).	10 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	600.000 đ/giấy		Nộp hồ sơ và trả kết quả - Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2013; - Nghị định số 181/2013/NĐ- CP ngày 14/11/2013; - Thông tư số 231/2016/TT- BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 21/2015/TT- BNNPTNT ngày 08/6/2015; - Quyết định số 4307/QĐ- BNN-PC ngày 24/10/2016.
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón.	20 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	3.000.0 00 đ/giấy		Nộp hồ sơ và trả kết quả - Nghị định số 108/2017/NĐ- CP ngày 20/9/2017; - Thông tư số 207/2016/TT- BTC ngày 09/11/2016; - Thông tư số 170/2016/TT- BTC ngày 26/10/2016; - Thông tư số 14/2018/TT- BTC ngày 07/02/2018; - Quyết định số 4441/QĐ- BNN-BVTV ngày 31/10/2017.
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón.	- 20 ngày làm việc: dạ hết	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1.200. 000 đ/giấy		Nộp hồ sơ và trả kết quả - Nghị định số 108/2017/NĐ- CP ngày 20/9/2017; - Thông tư số 207/2016/TT- BTC ngày 09/11/2016; - Thông tư số 14/2018/TT-

		hạn. - 05 ngày làm việc:	thực vật				BTC ngày 07/02/2018; - Quyết định số 4441/QĐ- BNN-BVTV ngày 31/10/2017.
		mất; hồng					
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.	10 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	500.000 đ/giấy		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 108/2017/NĐ- CP ngày 20/9/2017; - Thông tư số 14/2018/TT- BTC ngày 07/02/2018; - Quyết định số 4441/QĐ- BNN-BVTV ngày 31/10/2017.
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	05 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	200.000 đ/giấy		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017; - Thông tư số 14/2018/TT- BTC ngày 07/02/2018; - Quyết định số 4441/QĐ- BNN-BVTV ngày 31/10/2017.
9	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	45 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017; - Thông tư số 14/2018/TT- BTC ngày 07/02/2018; - Quyết định số 4441/QĐ- BNN-BVTV ngày 31/10/2017.
10	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	30 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Thông tư số 18/2012/TT- BNNPTNT ngày 26/4/2012; - Quyết định số 4413/QĐ- BNN-TT ngày 28/10/2016.
11	Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp cây ăn quả	15 ngày làm	Chi cục Trồng	Không		Nộp hồ sơ	- Thông tư số 18/2012/TT- BNNPTNT ngày

	lâu năm.	việc	trọt và Bảo vệ thực vật			và trả kết quả	26/4/2012; - Quyết định số 4413/QĐ-BNN-TT ngày 28/10/2016.
12	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng.	07 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015; - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017; - Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012; - Quyết định số 4413/QĐ-BNN-TT ngày 28/10/2016.
13	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón và đăng ký hội thảo phân bón.	10 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; - Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV ngày 31/10/2017.
14	Tiếp nhận bản công bố hợp quy phân bón.	05 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017; - Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017.
II. Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y (19 TTHC)							
1	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy thức ăn chăn nuôi.	05 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017.

2	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy điều kiện cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi.	05 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017.
3	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) cho sản phẩm hàng hoá xuất khẩu đối với giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và vật tư chuyên dùng trong chăn nuôi.	05 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Pháp lệnh Giống vật nuôi năm 2004; - Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010; - Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011.
4	Cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) cho sản phẩm hàng hoá xuất khẩu đối với giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và vật tư chuyên dùng trong chăn nuôi.	04 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Pháp lệnh Giống vật nuôi năm 2004; - Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010; - Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011.
5	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp thành phố (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y).	05 ngày làm việc: cấp mới; - 03 ngày làm việc: gia hạn	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	50.000 đ/lần		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016.

	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất,	03	Chi cục			Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016.
6	sai sót; hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y).	ngày làm việc	Chăn nuôi và Thú y	50.000 đ/lần			
7	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y.	15 ngày làm việc: hết hạn; - 05 ngày làm việc: bị mất, bị hỏng ...	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	1.000.000 đ/giấy		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016; - Thông tư số 45/2014/TT-BNN ngày 03/12/2014; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016.
8	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.	08 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	230.000 đ/lần		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016.
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký).	05 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	230.000 đ/lần		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016;

							<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016.
10	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y.	15 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	900.000 đ/giấy		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016.
11	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.	20 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	300.000 đ/lần (chưa bao gồm chi phí khác)		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016.
12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản.	20 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	300.000 đ/lần (chưa bao gồm chi phí khác)		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016.
13	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại.	15 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	300.000 đ/lần (chưa bao gồm chi phí khác)		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016;

							- Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016.
		- 07 ngày làm việc: đã được đánh giá định kỳ;					
14	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.	- 17 ngày làm việc: còn lại	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	300.000 đ/lần (chưa bao gồm chi phí khác)		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016.
15	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản.	- 07 ngày làm việc: đã được đánh giá định kỳ; - 17 ngày làm việc: còn lại	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	300.000 đ/lần (chưa bao gồm chi phí khác)		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016.
16	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản).	02 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	300.000 đ/lần (chưa bao gồm chi phí khác)		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-

							TY ngày 03/11/2016.
							- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016;
17	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận.	20 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	300.000 đ/lần (chưa bao gồm chi phí khác)		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016.
18	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận.	20 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	300.000 đ/lần (chưa bao gồm chi phí khác)		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016.
19	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận.	13 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	300.000 đ/lần (chưa bao gồm chi phí khác)		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016.

III. Lĩnh vực Thủy sản (14 TTHC)

1	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá.	07 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2003; - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005; - Thông tư số 02/2007/TT-TTS ngày 13/7/2007; - Quyết định số 3457/QĐ-BNN-TCTS ngày 30/8/2018.
2	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.	03 ngày	Chi cục	Không		Nộp hồ sơ	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-

		làm việc	Thủy sản			và trả kết quả	BNNPTNT ngày 15/11/2018; - Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018.
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; - Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018.
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá.	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; - Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018.
5	Xóa đăng ký tàu cá.	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; - Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018.
6	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá.	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Thủy sản năm 2003; - Bộ luật dân sự năm 2005; - Nghị định số 66/NĐ-CP ngày 19/5/2005; - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011; - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006; - Quyết định số 3457/QĐ-BNN-TCTS ngày 30/8/2018.
7	Cấp mã số nhận diện ao nuôi cá Tra thương phẩm (cấp lần đầu và cấp lại).	02 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 55/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017; - Quyết định số 3457/QĐ-BNN-TCTS ngày 30/8/2018;
8	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá.	10 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản	Thông tư số 230/2016/TT-BTC		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Thủy sản 2017; - Quyết định số 96/2007/QĐ-BNN ngày 28/11/2007; - Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 230/2016/TT-BTC; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; - Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018.

9	Cấp giấy chứng nhận thẩm định-thiết kế tàu cá.	20 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản	Thông tư số 230/2016/TT-BTC		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản 2017; - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2015; - Quyết định số 96/2007/QĐ-BNN ngày 28/11/2007; - Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 230/2016/TT-BTC; - Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018.
10	Cấp giấy phép khai thác thủy sản.	05 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản	40.000 đ/lần	Mức độ 3		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP; - Nghị định 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012; - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006; - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011; - Thông tư 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; - Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018; - Quyết định số 3457/QĐ-BNN-TCTS ngày 30/8/2018.
11	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản.	05 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản	20.000 đ/lần	Mức độ 3		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP; - Nghị định 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012; - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006; - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011; - Thông tư 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; - Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018; - Quyết định số 3457/QĐ-BNN-TCTS ngày 30/8/2018.

							<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP; - Nghị định 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012;
12	Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản.	02 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản	20.000 đ/lần	Mức độ 3		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006; - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011; - Thông tư 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; - Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018; - Quyết định số 3457/QĐ-BNN-TCTS ngày 30/8/2018.
13	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác	02 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản	Không			<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; - Quyết định số 4866/QĐ-BNN-PTNT ngày 10/12/2018.
14	Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác	02 ngày làm việc	Ban QL cảng cá, bến cá	Thông tư số 118/2018/TT-BTC		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; - Thông tư 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018; - Quyết định số 4866/QĐ-BNN-PTNT ngày 10/12/2018.

IV. Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (05 TTHC)

1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản.	15 ngày làm việc	Chi cục QLCL Nông lâm sản và Thủy sản	700.000 đ/cơ sở		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 38/2018/TT-BNN ngày 25/12/2018; - Quyết định số 1290/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/4/2015; - Thông tư số 286/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Quyết định số 2316/QĐ-BNN-QLCL ngày 10/6/2016.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản.	15 ngày làm việc	Chi cục QLCL Nông	350.000 đ/cơ sở		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 38/2018/TT-BNN ngày 25/12/2018; - Quyết định số 1290/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/4/2015;

	sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn).	việc	lâm sản và Thủy sản			kết quả	TCCB ngày 17/4/2015; - Thông tư số 286/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Quyết định số 2316/QĐ-BNN-QLCL ngày 10/6/2016.
3	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận).	05 ngày làm việc	Chi cục QLCL Nông lâm sản và Thủy sản	350.000 đ/cơ sở		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Thông tư số 38/2018/TT-BNN ngày 25/12/2018; - Quyết định số 1290/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/4/2015; - Thông tư số 286/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Quyết định số 2316/QĐ-BNN-QLCL ngày 10/6/2016.
4	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu.	01 ngày làm việc	Chi cục QLCL Nông lâm sản và Thủy sản	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018; - Quyết định số 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31/01/2019.
5	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.	- 03 ngày làm việc - 07 ngày làm việc (đối với kiểm tra chặt)	Chi cục QLCL Nông lâm sản và Thủy sản	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018; - Quyết định số 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31/01/2019.
V. Lĩnh vực Lâm nghiệp – Kiểm lâm (06 TTHC)							
1	Cấp mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III của CITES	07 ngày làm việc	Chi cục Kiểm lâm	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019; - Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/6/2016; - Quyết định số 3142/QĐ-BNN-TCLN ngày 25/7/2016.

2	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường, bộ phận, dẫn xuất của động vật rừng thông thường từ tự nhiên.	20 ngày làm việc	Chi cục Kiểm lâm	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Thông tư số 27/2018/TT-BNN&PTNT ngày 16/11/2018; - Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/6/2016; - Quyết định số 3142/QĐ-BNN-TCLN ngày 25/7/2016.
3	Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với: Gỗ khai thác từ rừng tự nhiên trong nước chưa chế biến; Thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và Phụ lục CITES khai thác từ rừng tự nhiên trong nước chưa chế biến; Động vật rừng và bộ phận, dẫn xuất của động vật rừng có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên hoặc gây nuôi trong nước; động vật rừng, sản phẩm của động vật rừng nhập khẩu thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (đối với địa phương không có Hạt Kiểm lâm cấp huyện).	03 ngày làm việc	Chi cục Kiểm lâm	Không			- Thông tư số 27/2018/TT-BNN&PTNT ngày 16/11/2018; - Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/6/2016; - Quyết định số 3142/QĐ-BNN-TCLN ngày 25/7/2016.
4	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân.	35 ngày làm việc	BQL rừng đặc dụng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016; - Quyết định số 2257/QĐ-BNN-TCLN ngày 02/6/2017.
5	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn.	35 ngày làm việc	BQL rừng đặc dụng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016; - Quyết định số 2257/QĐ-BNN-TCLN ngày 02/6/2017.
6	Khoán công việc và dịch vụ.	Không	BQL rừng đặc dụng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016; - Quyết định số 2257/QĐ-BNN-TCLN ngày 02/6/2017.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP HUYỆN (07 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Qua Bưu chính công ích	

I. Lĩnh vực Phát triển nông thôn (06)

1	Cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	13 ngày làm việc	UBND cấp Huyện	Không			Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011.
2	Cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	13 ngày làm việc	UBND cấp Huyện	Không			Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011.
3	Cấp lại Giấy chứng nhận kinh tế trang trại.	05 ngày làm việc	UBND cấp Huyện	Không			Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011.
4	Đăng ký Hợp tác xã nông nghiệp.	05 ngày làm việc	UBND cấp Huyện	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT - BKHĐT ngày 26/5/2014.
5	Bố trí, ổn định dân cư trong huyện.	30 ngày làm việc	UBND cấp Huyện	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015.
6	Bố trí, ổn định dân cư ngoài huyện, trong thành phố.	30 ngày làm việc	UBND cấp Huyện	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015.

II. Lĩnh vực Thủy lợi và Phòng chống thiên tai (01 TTHC)

1	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND thành phố phân cấp (UBND huyện phê duyệt)	30 ngày làm việc	UBND cấp Huyện	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Thông tư: 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCIL ngày 29/6/2018.
---	---	------------------	----------------	-------	--	--------------------------	--

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP XÃ (04 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Qua Bưu chính công ích	

I. Lĩnh vực Phát triển nông thôn (02 TTHC)

1	Chứng thực Hợp đồng hợp tác của tổ hợp tác	05 ngày làm việc	UBND cấp Xã	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007; - Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09/7/2008.
2	Xác nhận Đơn đề nghị cấp, cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại	05 ngày làm việc	UBND cấp Xã	Không			Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011

II. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (01 TTHC)

1	Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa.	05 ngày làm việc	UBND cấp Xã	Không			- Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016; - Quyết định số 4413/QĐ-BNN-TT ngày 28/10/2016.
---	---	------------------	-------------	-------	--	--	---

III. Lĩnh vực Thủy lợi và Phòng chống thiên tai (01 TTHC)

1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện).	07 ngày làm việc	UBND cấp Xã	Không			- Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018.
---	---	------------------	-------------	-------	--	--	--

**C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CƠ QUAN TRỰC THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN(05)**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Qua Bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực Lâm nghiệp – Kiểm lâm (05 TTHC)							
1	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân.	35 ngày làm việc	Cty TNHH MTV nông, lâm nghiệp	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016; - Quyết định số 2257/QĐ-BNN-TCLN ngày 02/6/2017.
2	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn.	35 ngày làm việc	Cty TNHH MTV nông, lâm nghiệp	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016; - Quyết định số 2257/QĐ-BNN-TCLN ngày 02/6/2017.
3	Khoán công việc và dịch vụ.	Không	Cty TNHH MTV nông, lâm nghiệp				- Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016; - Quyết định số 2257/QĐ-BNN-TCLN ngày 02/6/2017.
4	Nghiên cứu khoa học trong rừng đặc dụng của các tổ chức, cá nhân trong nước (Phạm vi giải quyết của Ban Quản lý rừng đặc dụng).	05 ngày làm việc	Vườn Quốc gia Cát Bà	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Lâm nghiệp năm 2017; - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 10/11/2018; - Nghị định 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011; - Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/6/2016; - Quyết định số 3142/QĐ-BNN-TCLN ngày 25/7/2016.
5	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ	05 ngày	Hạt Kiểm	Không			- Thông tư số 27/2018/TT-BNN&PTNT ngày 16/11/2018;

	đổi với lâm sản xuất ra có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và lâm sản sau xử lý tịch thu.	làm việc	lâm Vườn Quốc gia Cát Bà				- Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/6/2016; - Quyết định số 3142/QĐ-BNN-TCLN ngày 25/7/2016.
--	---	----------	--------------------------	--	--	--	--

PHỤ LỤC L2

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN MỘT CỦA LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (07 TTHC)

THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (07 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Qua Bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (01 TTHC)							
1	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	24 giờ	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Thông tư số 231/2016 /TT-BTC		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013; - Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015; - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015; - Quyết định số 4307/QĐ-BNN-PC ngày 24/10/2016.
II. Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y (03 TTHC)							
1	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp thành phố	01 ngày làm việc	Chi Cục Chăn nuôi và Thú y	Thông tư số 285/2016 /TT-BTC			<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016.
2	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp thành phố	01 ngày làm việc	Chi Cục Chăn nuôi	Thông tư số 285/2016 /TT-BTC			<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP

			và Thú y				ngày 15/5/2016; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016;
							- Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016.
3	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm	03 ngày làm việc	Chi Cục Chăn nuôi và Thú y	Thông tư số 285/2016 /TT-BTC			- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016.

III. Lĩnh vực Thủy sản (01 TTHC)

1	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (bao gồm cả giống thủy sản bố mẹ chủ lực nếu được ủy quyền).	01 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản	Thông tư số 09/2018/TT-BTC		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013; - Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 09/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018; - Quyết định số 3457 /QĐ-BNN-TCTS ngày 30/8/2018.
---	---	------------------	------------------	----------------------------	--	--------------------------	--

IV. Lĩnh vực Lâm nghiệp – Kiểm lâm (01 TTHC)

1	Xác nhận của hạt kiểm lâm đối với: Gỗ khai thác từ rừng tự nhiên trong nước chưa chế biến; Thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và Phụ lục CITES khai thác từ rừng tự nhiên trong nước chưa chế biến; Động vật rừng và bộ phận, dẫn xuất của động vật rừng có nguồn gốc khai thác từ tự	08 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm	Không			- Thông tư số 27/2018/TT-BNN&PTNT ngày 16/11/2018; - Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/6/2016; - Quyết định số 3142/QĐ-BNN-TCLN ngày 25/7/2016.
---	---	------------------	--------------	-------	--	--	--

	nhiên hoặc gây nuôi trong nước; động vật rừng, sản phẩm của động vật rừng nhập khẩu thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm						
--	---	--	--	--	--	--	--

V. Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (01 TTHC)

1	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm, thủy sản	03 ngày làm việc	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	30.000 đ/lần/người			<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPNT-BCT ngày 09/4/2014; - Thông tư số 38/2018/TT-BNN ngày 25/12/2018; - Thông tư số 286/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Quyết định số 2316/QĐ-BNN-QLCL, ngày 10/6/2016.
---	---	------------------	---	--------------------	--	--	--